

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH TIỀN GIANG**

Bản án số: 68/2024/HNGĐ-PT
Ngày: 26-11-2024
V/v tranh chấp ly hôn, nuôi con

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TIỀN GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Diệp Thúy

Các Thẩm phán: Bà Nguyễn Thanh Nhân

Ông Nguyễn Ngọc Thái Dũng

- Thư ký phiên tòa: Bà Dương Thị Hà Vy - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang tham gia phiên tòa:
Bà Phan Thị Thanh Xuân - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 19 và 26 tháng 11 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 62/2024/TLPT-HNGĐ ngày 15 tháng 10 năm 2024 về tranh chấp “Ly hôn, nuôi con”.

Do Bản án hôn nhân gia đình sơ thẩm số 66/2024/HNGĐ-ST ngày 20 tháng 8 năm 2024 của Tòa án nhân dân thị xã C, tỉnh Tiền Giang bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 513/2024/QĐ-PT ngày 22 tháng 10 năm 2024, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Anh Phạm Văn C, sinh năm 1977;

Địa chỉ: ấp 2, xã T, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

Bị đơn: Chị Nguyễn Ngọc Phương T, sinh năm 1989;

Địa chỉ: ấp M, xã M, thị xã C, tỉnh Tiền Giang.

- Người kháng cáo: Bị đơn Nguyễn Ngọc Phương T.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo án sơ thẩm;

*** Nguyên đơn anh Phạm Văn C trình bày:**

Về quan hệ hôn nhân: Anh và chị Nguyễn Ngọc Phương T do mai mối và được gia đình hai bên đồng ý, anh và chị T tổ chức đám cưới vào năm 2022, có

đăng ký kết hôn tại UBND xã Mỹ Hạnh Đông, thị xã C, tỉnh Tiền Giang theo giấy chứng nhận kết hôn số 35 ngày 29/4/2022. Thời gian đầu vợ chồng chung sống đã phát sinh mâu thuẫn nhưng đến tháng 12/2022 thì phát sinh mâu thuẫn trầm trọng. Nguyên nhân do chị T thường xuyên nhắc lại những chuyện quá khứ của anh, có lời lẽ thô tục xúc phạm danh dự, nhân phẩm anh và gia đình của anh, dùng cây sắt đánh anh, thường xuyên bỏ nhà đi và anh C không liên lạc được vì chị T đã chặn số điện thoại của anh...làm ảnh hưởng đến uy tín, danh dự, nhân phẩm, đạo đức, ảnh hưởng đến công việc của anh. Đảng ủy và UBND xã M đã hòa giải nhiều lần nhưng không thành. Anh và chị T đã ly thân không còn sống chung và cắt đứt quan hệ vợ chồng từ khoảng tháng 8/2023 cho đến nay. Nay anh xác định tình cảm vợ chồng không còn, cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc nên anh làm đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn với chị Nguyễn Ngọc Phương T.

Về con chung: Có 01 con chung tên Phạm Cát Thiên A, sinh ngày 18/4/2023. Khi ly hôn anh đồng ý để con chung cho chị T nuôi dưỡng, anh đồng ý cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 2.500.000 đồng cho đến khi con chung thành niên và có khả năng lao động được.

Về tài sản chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

** Bị đơn chị Nguyễn Ngọc Phương T trình bày:*

Về quan hệ hôn nhân: Chị thống nhất với lời trình bày của anh C về thời gian kết hôn. Còn nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn thì vào khoảng tháng 10/2023 là do anh C có người phụ nữ khác bên ngoài. Còn về nguyên nhân mâu thuẫn như anh C trình bày là không đúng. Chị và anh C đã ly thân từ tháng 02/2024 cho đến nay. Hiện chị vẫn còn tình cảm với anh C, chị không muốn ly hôn vì con chị còn quá nhỏ, con cần có cha và mẹ chăm sóc. Theo như chị thấy thì anh C không còn tình cảm gì với chị.

Về con chung: Có 01 con chung như anh C trình bày là đúng. Nếu phải ly hôn chị yêu cầu nuôi dưỡng con chung, yêu cầu anh C cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 4.000.000 đồng bao gồm chi phí mua sữa, tã.

Về tài sản chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Có nhưng tự thỏa thuận nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại Bản án sơ thẩm số 66/2024/HNGĐ-ST ngày 20 tháng 8 năm 2024 của Tòa án nhân dân thị xã C, tỉnh Tiền Giang đã căn cứ: Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 271, Điều 272, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 3, Điều 51, Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 110, Điều 116, Điều 119 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 7 Nghị quyết 01/2024/NQ-HĐTP ngày 16/5/2024 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật trong giải quyết vụ việc về hôn nhân và gia đình; Điều 3 Nghị định 74/2024/NĐ-CP ngày 30/6/2024 của Chính phủ quy định mức

lương tối thiểu đối với người lao động làm việc theo hợp đồng lao động; Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho anh Phạm Văn C được ly hôn với chị Nguyễn Ngọc Phương T.

2. Về con chung: Giao cháu Phạm Cát Thiên A, sinh ngày 18/4/2023 cho chị Nguyễn Ngọc Phương T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục; anh Phạm Văn C có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con 2.500.000 đ (Hai triệu năm trăm ngàn đồng)/01 tháng, thời gian cấp dưỡng nuôi con tính từ tháng 8 năm 2024 cho đến khi cháu Thiên A thành niên và có khả năng lao động.

Kể từ ngày chị T có đơn yêu cầu thi hành án, nếu anh C chậm thực hiện nghĩa vụ thì hàng tháng còn phải chịu thêm tiền lãi theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án.

Anh Phạm Văn C có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung mà không ai được cản trở.

Ngoài ra bản án còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo và nghĩa vụ thi hành án của đương sự.

- Ngày 22/8/2024, bị đơn Nguyễn Ngọc Phương T có đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm của TAND thị xã C, tỉnh Tiền Giang. Yêu cầu cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm theo hướng không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn anh Phạm Văn C.

Tại phiên tòa phúc thẩm;

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang phát biểu ý kiến: Về tổ tụng việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử; việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự, kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng theo pháp luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Chị T kháng cáo không đồng ý ly hôn với anh C, tại phiên tòa chị T đồng ý ly hôn đề nghị Hội đồng xét xử ghi nhận sự thuận tình ly hôn giữa anh C và chị T.

Về cấp dưỡng nuôi con: Chị T yêu cầu anh C cấp dưỡng nuôi cháu Phạm Cát Thiên A 4.000.000 đồng/tháng đến khi cháu A đủ 18 tuổi. Xét yêu cầu kháng cáo của chị T là không có cơ sở vì thu nhập thực tế của anh C khoảng 22.000.000 đồng nhưng anh C phải chi trả rất nhiều khoản tiền nên mức cấp dưỡng 4.000.000 đồng/tháng là cao so với khả năng của anh C.

Đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của chị T, giữ y bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân thị xã C.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, lời trình bày của các đương sự, ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Xét đơn kháng cáo của Nguyễn Ngọc Phương T nộp trong thời hạn, đúng qui định tại Điều 271, 272, 273 Bộ luật tố tụng dân sự, nên được xem xét giải quyết theo trình tự phúc thẩm.

Về quan hệ tranh chấp: Căn cứ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Tòa án cấp sơ thẩm xác định quan hệ tranh chấp Ly hôn, nuôi con là đúng qui định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Xét kháng cáo của chị Nguyễn Ngọc Phương T, nhận thấy;

Chị Nguyễn Ngọc Phương T và anh Phạm Văn C kết hôn vào năm 2022, có tổ chức lễ cưới. Sau khi cưới vợ chồng chung sống hạnh phúc đến tháng 12/2022 thì phát sinh mâu thuẫn. Chị T và anh C sống ly thân từ tháng 3/2024 đến nay. Tòa án cấp sơ thẩm xử cho anh C được ly hôn với chị T. Chị T kháng cáo không đồng ý ly hôn với anh C.

Tại phiên tòa phúc thẩm chị T đồng ý ly hôn với anh C nên Hội đồng xét xử ghi nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Nguyễn Ngọc Phương T và anh Phạm Văn C.

Về cấp dưỡng nuôi con: Chị T yêu cầu anh C cấp dưỡng nuôi cháu Phạm Cát Thiên A, sinh ngày 18/4/2023 mỗi tháng 4.000.000 đồng. Anh C không đồng ý chỉ đồng ý cấp dưỡng nuôi cháu A 2.500.000 đồng/tháng.

Tại phiên tòa, anh C trình bày thu nhập của anh là 22.000.000 đồng/tháng nhưng hàng tháng anh phải chi trả các khoản tiền vay Ngân hàng, tiền cấp dưỡng nuôi hai con riêng của anh với vợ trước, tiền vay cá nhân, tiền trả góp mua xe nên không có khả năng cấp dưỡng theo yêu cầu của chị T.

Xét thấy: Nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung thì cả cha và mẹ đều phải có nghĩa vụ, việc chị T yêu cầu cấp dưỡng nuôi con 4.000.000 đồng/tháng là phù hợp với điều kiện thu nhập thực tế của anh C. Bởi lẽ, chi phí nuôi cháu Thiên A với mức cấp dưỡng 2.500.000 đồng/tháng sẽ không đảm bảo nhu cầu sinh hoạt, học tập. Đồng thời, thu nhập của anh C ổn định và có mức lương cao nên cần chấp nhận kháng cáo của chị T.

Từ những phân tích trên, xét kháng cáo của chị T là có cơ sở nên được chấp nhận. Quan điểm đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát có cơ sở một phần nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 2 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Chấp nhận yêu cầu kháng cáo của chị Nguyễn Ngọc Phương T. Sửa Bản án sơ thẩm số 66/2024/HNGĐ-ST ngày 20/8/2024 của Tòa án nhân dân thị xã C.

Căn cứ Điều 3, Điều 51, Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 110, Điều 116, Điều 119 Luật Hôn nhân và Gia đình; Áp dụng Điều 12, Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Anh Phạm Văn C được ly hôn với chị Nguyễn Ngọc Phương T.

[2] Về con chung: Giao cháu Phạm Cát Thiên A, sinh ngày 18/4/2023 cho chị Nguyễn Ngọc Phương T trực tiếp nuôi dưỡng. Anh Phạm Văn C có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con 4.000.000 đồng/tháng, thời gian cấp dưỡng nuôi con tính từ tháng 8/2024 đến khi cháu Thiên A thành niên và có khả năng lao động.

Anh C có quyền, nghĩa vụ thăm nom chăm sóc, giáo dục con chung mà không ai được cản trở.

Kể từ ngày chị T có đơn yêu cầu thi hành án, nếu anh C chậm thực hiện nghĩa vụ thì hàng tháng còn phải chịu thêm tiền lãi theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án.

[3] Về án phí: Chị T không phải chịu án phí hôn nhân phúc thẩm, nên được hoàn lại 300.000 đồng tạm ứng án phí phúc thẩm theo biên lai thu số 0005020 ngày 22/8/2024 của Chi cục Thi hành án thị xã C.

Anh C phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân sơ thẩm và 300.000 đồng án phí cấp dưỡng nuôi con. Được trừ vào tạm ứng án phí 300.000 đồng theo biên lai thu số 0004811 ngày 19/4/2024 của Chi cục Thi hành án thị xã C nên còn phải nộp tiếp 300.000 đồng án phí.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các điều 6, 7, 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Án tuyên lúc 14 giờ ngày 26 tháng 11 năm 2024 có mặt anh C, chị T, vắng mặt Đại diện Viện kiểm sát./.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Tiền Giang;
- TAND thị xã C.
- CCTHADS thị xã C;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Diệp Thúy